

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày 18-8-2025
V/v Tranh chấp quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2024/TLST- DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02a/2025/QĐST-DS ngày 18/3/2025, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 11 tháng 7 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2025/QĐST-DS ngày 25/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Giàng A T**, năm sinh 1977; địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên), có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Vàng A C**, sinh năm 1995; địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Giàng Trồng L**, sinh năm 1959, có mặt.

- Bà **Sùng Thị S**, sinh năm 1962, có mặt.

- Bà **Sùng Thị D**, sinh năm 1988, có mặt.

Cùng địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên).

* Người đại diện theo ủy quyền của ông Giàng Trồng L, bà Sùng Thị S, bà Sùng Thị D: Ông Giàng A T, sinh năm 1977; địa chỉ: Bản P, xã P, tỉnh Điện Biên

(theo Giấy ủy quyền ngày 07/7/2025), có mặt.

- Anh **Giàng A C1**, sinh năm 2001; địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên, vắng mặt).

* Người phiên dịch cho ông Giàng Trồng L, bà Sùng Thị S bà Sùng Thị D: Ông Sùng A T1, sinh năm 1997; địa chỉ: Khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là khối T, xã T, tỉnh Điện Biên), có mặt.

* Người làm chứng:

- Bà **Sùng Thị Ú**, sinh năm 1987; địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên, vắng mặt).

- Ông **Giàng A M**, sinh năm 1988; địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên, vắng mặt).

- Ông **Thào A G** (Thào Vàng G1), sinh năm 1982; địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên, vắng mặt).

- Ông **Thào A G** (**Thào Vàng G1**), sinh năm 1982; địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên, vắng mặt).

- Ông **Giàng A N**, sinh năm 1980; địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên, vắng mặt).

- Ông **Giàng A S1**, sinh năm 1984; địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên, vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/6/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Giàng A T trình bày:

Ông Giàng A T có thửa đất nương diện tích khoảng 8.000 m² địa chỉ tại khu vực “Trung Hâu Câu” (theo tiếng gọi địa phương) thuộc bản Phình Cú, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên). Nguồn gốc đất do ông Giàng Trồng L (bố đẻ ông T) khai hoang và sử dụng từ năm 1995 đến năm 2015. Từ năm 2015 đến năm 2023 ông Giàng A T sử dụng ổn định liên tục không xảy ra tranh chấp với ai. Đến ngày 21/4/2023 thì xảy ra tranh chấp với ông Vàng A C. Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã P) hòa giải nhưng ông C không đồng ý trả lại đất nương cho ông T. Ông Giàng A T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông C trả cho ông T thửa đất nương diện tích khoảng 8.000 m² địa chỉ tại khu vực “Trung Hâu Câu” (theo tiếng gọi địa phương) thuộc bản Phình Cú, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên). Nhưng tại Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/11/2024 xác định diện tích đất tranh chấp là 5.972,4 m² do vậy buộc ông Vàng A C trả cho ông Giàng A T diện tích đất là 5.972,4 m² (trong đó 2.517,6 m² quy hoạch là đất nương rẫy, 3.454,8 m² quy hoạch là đất rừng sản xuất) địa chỉ tại khu vực “Trung Hâu Câu” (theo tiếng gọi địa phương) thuộc bản Phình Cú, xã P,

tỉnh Điện Biên, trị giá diện tích đất là 5.972,4 m² là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2024 bị đơn Vàng A C (BL số 67) trình bày: Ông C nhất trí với buổi xem xét, thẩm định tại chỗ, đến thời điểm này ông C không tranh chấp với ông Giàng A T. Trước đây ông C có trồng ngô tại mảnh nương đấy (do bố mẹ ông đã làm từ trước đó). Sau này khi biết đất nương của ông T thì không canh tác nữa, ông C đồng ý trả lại đất nương tranh chấp cho ông T. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông C xin vất vả tất cả các phiên hòa giải và xét xử, do bận đi làm thuê ở tỉnh Quảng Ninh không về được và đã đồng ý trả lại đất nương cho ông Giàng A T. Đề nghị Tòa án không triệu tập ông C và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Giàng Trồng L và bà Sùng Thị S trình bày: Nguồn gốc diện tích đất 5.972,4 m² đang tranh chấp là do ông L, bà S khai hoang và sử dụng từ năm 1995 đến năm 2015 thì để lại cho con trai và con dâu (ông Giàng A T và bà Sùng Thị D). Ông Giàng Trồng L khai quá trình sử dụng đất từ năm 1995 đến năm 2000, ông đã đăng ký, kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000, thuộc thửa số 14, diện tích 500 m², địa danh thửa đất “Trung Hâu Cầu”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bà Sùng Thị D trình bày: Bà D và ông Giàng A T được ông Giàng Trồng L, bà Sùng Thị S cho sử dụng thửa đất nương diện tích 5.972,4 m² đang tranh chấp từ năm 2015 và sử dụng ổn định, liên tục vào mục đích trồng ngô, đến tháng 4/2023 thì xảy ra tranh chấp với ông Vàng A C. Bà D đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Vàng A C trả bà D và ông Giàng A T thửa đất nương diện tích 5.972,4m².

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Giàng A C1 trình bày: Anh Giàng A C1 là người trồng ngô vụ mùa năm 2025 trên thửa đất nương diện tích 5.972,4 m² đang có tranh chấp, anh Giàng A C1 thuê thửa đất này từ ông Vàng A C để canh tác vụ mùa năm 2025. Anh Giàng A C1 đề nghị ông Giàng A T và ông Vàng A C tạo điều kiện cho anh đến 10/2025, sau khi thu hoạch thu hoạch ngô xong sẽ trả lại đất cho các bên. Anh C1 không tranh chấp đất với ông Giàng A T và ông Vàng A C, không đề nghị Tòa án giải quyết việc thuê đất để canh tác giữa anh C1 với ông Vàng A C, anh C1 xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng Thào A G (T), Giàng A M, Sùng Thị Ú những người sử dụng đất giáp ranh với thửa đất tranh chấp đều khai: Từ năm 2015 đến năm 2023 thấy ông Giàng A T và bà Sùng Thị D sử dụng, sau đó thì xảy ra tranh chấp. Trước năm 2023 chưa thấy ông Vàng A C sử dụng đất ở diện tích đất đang có tranh chấp.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng Giàng A N, Giàng A S1 (trưởng bản Phình Cừ) khai: Nguồn gốc đất của ông Giàng A T, ông N khai là người giúp ông T làm nương từ năm 1995, không rõ thửa đất nương của ai chỉ biết đi làm giúp ông T, ông N là anh em họ của ông Giàng A T, chưa nhìn thấy gia đình ông Vàng A C làm trên diện tích đang có tranh chấp. Ông Giàng A S1 khai chưa nhìn thấy ông Vàng A C làm trên diện tích đang có tranh chấp, chỉ nhìn thấy ông Giàng Trồng L và ông Giàng A T làm trên mảnh đất nương này từ lâu.

Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 13/11/2024. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định thửa đất tranh chấp có diện tích là 5.972,4 m², địa chỉ tại khu vực “Trung Hâu Câu” (theo tiếng gọi địa phương) thuộc bản Phình Cừ, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên). Tứ cận, cạnh hướng Đ - Đông giáp đất nương ông Giàng A T (nguyên đơn) và ông Thào A G, cạnh hướng Nam giáp đất nương ông Giàng A L1 và ông Vàng A C, cạnh hướng Tây - T giáp đất nương ông Giàng A M và bà Sùng Thị Ú. Đối chiếu với Bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện T, vị trí thửa đất tranh chấp diện tích là 5.972,4 m²; trong đó có diện tích 2.517,6 m² đất được quy hoạch là đất nương rẫy, còn diện tích 3.454,8 m² đất được quy hoạch là đất rừng sản xuất.

Công văn số: 276/UBND-TNMT ngày 19/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện T, xác định đối với diện tích 3.454,8 m² thuộc quy hoạch là đất rừng sản xuất Ủy ban nhân dân huyện T chưa giao đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nào; chưa cho tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân thuê.

Công văn số: 1047/UBND-NNMT ngày 16/6/2025 của Ủy ban nhân dân huyện T, xác định ông Giàng A T và ông Vàng A C thuộc đối tượng được giao rừng sản xuất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên không có yêu cầu, kiến nghị gì. Căn cứ các Điều 101, 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 4, 5, 26, 31, 37, 138, 236 Luật đất đai năm 2024; Điều 197 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Vàng A C trả lại cho gia đình anh Giàng A T thửa đất có diện tích 5.972, 4 m² địa chỉ tại bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên

(nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên). Anh Giàng A C1 có trách nhiệm thu hoạch và bàn giao lại hiện trạng thửa đất cho gia đình ông T theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Vàng A C là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nhưng không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Lẽ ra bị đơn ông Vàng A C phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nguyên đơn đã nộp đủ 4.000.000 đồng nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

- **Về sự vắng mặt của đương sự:** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2024 của Tòa án, ông Vàng A C xin vắng mặt tất cả các phiên hòa giải và xét xử, do bận đi làm thuê ở tỉnh Quảng Ninh không về được và đã đồng ý trả lại đất nương cho ông Giàng A T; đề nghị Tòa án không triệu tập ông C và giải quyết theo quy định của pháp luật; anh Giàng A C1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Vàng A C và anh Giàng A C1.

- **Về tư cách tham gia tố tụng:** Đối với bà Sùng Thị D là người sử dụng thửa đất diện tích 5.972,4 m² cùng với nguyên đơn ông Giàng A T. Tuy nhiên sau khi xem xét về nguồn gốc đất và giữa ông Giàng A T, bà Sùng Thị D chung sống như vợ chồng từ năm 2004, không đăng ký kết hôn. Vì vậy Tòa án đưa bà Sùng Thị D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật: Ông Giàng A T và ông Vàng A C tranh chấp thửa đất nương diện tích 5.972,4 m², địa chỉ tại khu vực “Trung Hầu Cầu” thuộc bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên) vào năm 2023. Tòa án áp dụng các quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Luật Đất đai năm 2024 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Giàng A T khởi kiện yêu cầu ông Vàng A C trả cho ông T thửa đất nương diện tích khoảng khoảng 8.000 m², sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích thực tế là 5.972,4 m²; địa chỉ tại khu vực “Trung Hâu Cầu” thuộc bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên). Xét yêu cầu khởi kiện của ông Giàng A T, Hội đồng xét xử thấy.

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất 5.972,4 m²: Trước năm 2015 thửa đất tranh chấp do ông Giàng Trồng L và bà Sùng Thị S (bố mẹ đẻ của ông Giàng A T sử dụng vào mục đích nương rẫy (trồng ngô, lúa nương). Từ năm 2015 đến đầu năm 2023 ông Giàng A T và bà Sùng Thị D trực tiếp sử dụng thửa đất này vào mục đích nương rẫy (trồng ngô). Quá trình sử dụng đất của ông L, bà S, ông T và bà D ổn định, liên tục không xảy ra tranh chấp, phù hợp với lời khai của những người sử dụng đất giáp ranh, người làm chứng trong vụ án (BL 185-187, 188-190,; 191-193) và cũng phù hợp với lời khai của bị đơn ông Vàng A C tại (BL số 67).

- Việc sử dụng đất của ông Giàng A T từ năm 2015 đến năm 2023 ổn định liên tục vào mục đích trồng ngô và đúng quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất của xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay xã P, tỉnh Điện Biên) tại Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Phù hợp với quy định tại Điều 6, Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 3, Điều 5, Điều 65, Điều 66 của Luật Đất đai năm 2024. Mặt khác ông Giàng A T là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thường trú trên địa bàn bản P, xã P, tỉnh Điện Biên nơi có đất được quy hoạch là “đất rừng sản xuất” và “đất nương rẫy” thuộc đối tượng được giao đất theo khoản 3 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013, khoản 6 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2024, Điều 3 Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2024.

- Ông Giàng Trồng L khai: Thửa đất có diện tích 5.972,4 m² tranh chấp, ông L đã đăng ký, kê khai vào năm 2000 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kê khai. Sau khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ, đối chiếu thực tế với đăng ký, kê khai đất đai vào năm 2000 của ông L, tứ cận giáp ranh của thửa đất số 14, diện tích 500 m², địa danh thửa đất “Trung Hâu Cầu” (*hướng Đông giáp Dính, hướng Tây - N - Bắc giáp Đá*) không phù hợp với tứ cận giáp ranh theo Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/11/2024 của Tòa án (*các cạnh giáp ranh như sau: giáp đất ông Thào A G, ông G sử dụng lại đất của bố đẻ là ông Thào Sê T2; giáp đất bà Sùng Thị Ú, bà Ú sử dụng lại đất của bố chồng là ông Thào Sê T2; giáp đất ông Giàng A M, ông M sử dụng lại đất của bố đẻ ông Giàng Trà D1; giáp đất của ông Giàng A L1*). Khi đăng ký, kê khai đất đai năm 2000 tại khu vực “Trung Hâu Cầu” ông Giàng Trồng L sử dụng 02 thửa đất nương, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Giàng Trồng L được cấp theo kê khai, không có số Tờ bản đồ, không đo đạc thực tế trên thực địa. Vì vậy không có căn cứ xác định thửa đất nương

diện tích 5.972,4 m² tranh chấp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Giàng Trông L.

- Đối với bị đơn ông Vàng A C: Thực tế ông C không canh tác, sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp, ông C cho rằng thửa đất tranh chấp là đất nương trước đây của bố mẹ ông C từng canh tác nên tranh chấp, ông C đồng ý trả lại đất nương cho ông T (BL số 67). Quá trình Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa, ông C đều vắng mặt; mặc dù ông C khai đồng ý trả lại đất cho ông T nhưng vẫn tiếp tục cho người khác thuê để canh tác.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 3 Điều 3 các Điều 6, 39, 101, 131, khoản 2 Điều 135, các Điều 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21, Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; khoản 6 và khoản 38 Điều 3, các Điều 5, 65, 66, 178, 184 của Luật Đất đai năm 2024; Điều 3, khoản 1 Điều 108 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2024. Nguyên đơn ông Giàng A T đã sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng quy hoạch, phù hợp với quy định của Luật Đất đai. Vì vậy cần buộc ông Vàng A C trả lại đất cho ông Giàng A T. diện tích đất là 5.972,4 m² (trong đó: 2.517,6 m² quy hoạch là đất nương rẫy, 3.454,8 m² quy hoạch là đất rừng sản xuất).

- Đối với anh Giàng A C1 là người trồng ngô vụ mùa năm 2025 trên thửa đất tranh chấp, anh C1 xác định không tranh chấp đất với các bên, anh C1 thuê đất để canh tác từ ông Vàng A C, sau khi thu hoạch ngô vụ mùa năm 2025 vào tháng 10/2025 anh C1 đồng ý trả lại đất. Anh C1 không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về việc cho thuê đất giữa anh C1 với ông Vàng A C, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật anh Giàng A C1 phải thu hoạch ngô và có nghĩa vụ trả lại hiện trạng diện tích đất 5.972,4 m² cho ông Giàng A T.

[4] Các chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn ông Giàng A T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*). Căn cứ Điều 155, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận việc ông Giàng A T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, ông T đã nộp đủ.

[5] Phát biểu của kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Mặc dù ông Vàng A C sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nhưng ông C không có đơn xin miễn án phí, nên phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 30 Điều 3, các Điều 6, 39, 40, 101, 131, khoản 2 Điều 135, 166, 170 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013. Khoản 6, khoản 38 Điều 3; các Điều 5, 65, 66, Điều 138, 184, khoản 2 Điều 236 của Luật Đất đai năm 2024.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 155, 157, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giàng A T đối với ông Vàng A C.

1. Buộc ông Vàng A C trả cho ông Giàng A T thửa đất có diện tích 5.972,4 m² (trong đó: 2.517,6 m² quy hoạch là đất nương rẫy, 3.454,8 m² quy hoạch là đất rừng sản xuất), địa chỉ tại khu vực “Trung Hâu Cầu” thuộc bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã P, tỉnh Điện Biên).

Vị trí thửa đất có các cạnh tiếp giáp như sau: Cạnh hướng Đông Bắc từ điểm số 01 đến điểm số 06 dài 50,67m giáp đất của ông Giàng A T; cạnh hướng Đông từ điểm số 06 đến điểm số 12 dài 109,7m giáp đường đất ông Thào A G; cạnh hướng Nam từ điểm số 12 đến điểm số 16 dài 46,12m giáp đất ông Vàng A C và ông Giàng A L1; cạnh hướng Tây từ điểm số 16 đến điểm số 25 nối điểm số 01 dài 151,8m giáp đất của ông Giàng A M, bà Sùng Thị Ú.

(Kèm theo sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp, xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/11/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật anh Giàng A C1 phải thu hoạch ngô và có nghĩa vụ trả lại hiện trạng diện tích đất 5.972,4 m² cho ông Giàng A T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vàng A C chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, ông Vàng A C chưa nộp án phí.

3. Về chi phí tố tụng: Công nhận việc ông Giàng A T tự nguyện chịu 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, ông Giàng A T đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Ông Giàng A T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2025). Ông Giàng Tròng L, bà Sùng Thị S, bà Sùng Thị D có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2025). Ông Vàng A C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Anh Giàng A C1 có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ

ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Việt Hương

